

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT SỐ 1 NGŨ GIA TỰ

PHỔ ĐIỂM THI NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025

TT	Môn	ĐKDT	Điểm thấp nhất	Điểm cao nhất	Điểm trung bình	0-1.0		1.1 - 3.4		3.5 - 4.9		5.0 - 6.4		6.5 - 6.9		7.0 - 7.4		7.5 - 7.9		8.0 - 8.4		8.5 - 8.9		9.0 - 9.4		9.5 - 9.9		10		>=5.0	
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Toán	470	0.95	10	4.61	1	0.21	124	26.38	160	34.04	114	24.26	19	4.04	21	4.47	7	1.49	7	1.49	6	1.28	8	1.7	2	0.43	1	0.21	185	39.36
2	Ngữ văn	470	2.25	9.25	6.31	0	0	4	0.85	41	8.72	196	41.7	88	18.72	69	14.68	34	7.23	21	4.47	15	3.19	2	0.43	0	0	0	0	425	90.43
3	Ngoại ngữ	152	2.25	8.5	5.23	0	0	14	9.21	52	34.21	52	34.21	16	10.53	9	5.92	6	3.95	2	1.32	1	0.66	0	0	0	0	0	0	86	56.58
4	Vật lí	165	3.5	10	7.02	0	0	0	0	18	10.91	43	26.06	15	9.09	12	7.27	14	8.48	24	14.55	19	11.52	14	8.48	4	2.42	2	1.21	147	89.09
5	Hóa học	96	2.35	9.5	6.1	0	0	8	8.33	14	14.58	33	34.38	9	9.38	7	7.29	8	8.33	4	4.17	6	6.25	4	4.17	2	2.08	0	0	73	76.04
6	Sinh học	35	3.5	8.75	5.87	0	0	0	0	13	37.14	8	22.86	4	11.43	3	8.57	3	8.57	2	5.71	2	5.71	0	0	0	0	0	0	22	62.86
7	Lịch sử	214	3	10	6.32	0	0	7	3.27	29	13.55	77	35.98	24	11.21	15	7.01	24	11.21	19	8.88	9	4.21	6	2.8	1	0.47	2	0.93	177	82.71
8	Địa lí	185	2.45	10	6.56	0	0	3	1.62	29	15.68	60	32.43	22	11.89	12	6.49	22	11.89	8	4.32	7	3.78	8	4.32	7	3.78	7	3.78	153	82.7
9	GDKTPL	81	4.25	10	7.46	0	0	0	0	3	3.7	14	17.28	7	8.64	10	12.35	14	17.28	14	17.28	13	16.05	3	3.7	1	1.23	2	2.47	78	96.3
10	Tin học	6	3.85	7.1	5.83	0	0	0	0	2	33.33	0	0	3	50	1	16.67	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	66.67
11	CNCN	2	5	5.5	5.25	0	0	0	0	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	100	
12	CNNN	4	5.5	8.25	7.15	0	0	0	0	0	0	1	25	0	0	1	25	1	25	1	25	0	0	0	0	0	0	0	0	4	100

Ea Kar, ngày 16 tháng 7 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Khanh